

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ mới cấp tỉnh đợt V, năm 2022.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Công văn số 3743/BKHCN-KHTC ngày 20/12/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 5192/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1867/TTr-SKHCN ngày 18/11/2022; của Giám đốc Sở Tài chính tại Công số 6526/STC-HCSN ngày 16/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, dự toán và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) mới cấp tỉnh đợt IV năm 2022, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục và dự toán chi tiết nhiệm vụ KH&CN.

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN: 01 nhiệm vụ (Có danh mục chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

1.2. Kinh phí thực hiện: 9.467,59 triệu đồng (Chín tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó:

- Nguồn sự nghiệp KH&CN (phần NSNN hỗ trợ): 1.784,68 triệu đồng.
- Nguồn khác và nguồn tự có: 7.682,91 triệu đồng.

(Có dự toán chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách nhà nước hỗ trợ

2.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN được cấp kinh phí: 01 nhiệm vụ.

2.2. Tổng kinh phí cấp: 710,0 triệu đồng (*Bảy trăm mười triệu đồng chẵn*).

2.3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, hướng dẫn đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Thực hiện cấp kinh phí cho đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí của đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

3. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Triển khai, thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; thủ trưởng các đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình; việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- PCVP UBND tỉnh Cao Thanh Tùng;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục I
DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN MỚI CẤP TỈNH ĐỢT IV, NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Tính cấp thiết, tính mới	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
				Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
1	Đề tài: Nghiên cứu sản xuất phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt bằng dây chuyền công nghệ hơi nước tại Thanh Hóa	Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Khoa học và Công nghệ Tiên Nông, Công ty Cổ phần Công nghiệp Tiên Nông	-Hiện tượng thoái hóa về tính chất lý học, hóa học và sinh học làm giảm sức sản xuất của đất keo theo nhiều hệ lụy như: sự gia tăng sử dụng hóa chất trong canh tác nông nghiệp, sự suy giảm chất lượng vệ sinh an toàn nông sản làm giảm hiệu quả kinh tế trong sản xuất... Nguyên nhân được xác định do thiếu kiến thức trong sử dụng phân bón, đặc biệt quá lạm dụng phân bón vô cơ,	-Xây dựng được quy trình sản xuất và hướng dẫn sử dụng phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt. - Nghiên cứu sản xuất thành công 04 loại sản phẩm phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt bằng dây chuyền công nghệ hơi nước cho 04 loại cây trồng (Lúa, Ngô, Mía, và cây có múi (cam), gồm: + Phân bón NPK hữu cơ vi sinh: 13% N; 3% P ₂ O ₅ ; 9% K ₂ O; VSV hữu ích $\geq 10^6$ CFU/g (hoặc năm	-Nghiên cứu, hoàn thiện dây chuyền sản xuất phân bón NPK bằng dây chuyền công nghệ hơi nước hiện có để phù hợp với sản xuất sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh dạng hạt. - Nghiên cứu sản xuất phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt bằng dây chuyền công nghệ hơi nước. - Khảo nghiệm đồng ruộng đánh giá hiệu lực phân bón	- Báo cáo luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc đề xuất quy trình công nghệ và công thức cho 4 loại sản phẩm phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt (báo cáo trình bày rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất quy trình công nghệ và công thức cho 4 loại sản phẩm phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt). - Quy trình công nghệ sản xuất các loại sản phẩm phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt bằng dây chuyền công nghệ hơi nước. (Quy trình được trình bày khoa học, logic, dạng sơ đồ kèm theo mô tả chi tiết quy trình sản xuất từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra	36 tháng	9.467,59	1.784,68	Công ty Cổ phần Công nghiệp Tiên Nông

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Tính cấp thiết, tính mới	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
				Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			phân bón hữu cơ và hữu cơ vi sinh ít được sử dụng. - Canh tác hữu cơ, phân bón hữu cơ là những thuật ngữ gần đây luôn được nhắc đến bởi các nhà khoa học và các cơ quan ban ngành từ TW đến địa phương nhằm hướng đến một nền canh tác nông nghiệp an toàn và bền vững. - Phân bón NPK hữu cơ vi sinh góp phần hiện thực hóa nền nông nghiệp an toàn và bền vững thông qua: đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng khoáng kịp thời theo đúng nhu cầu của cây, cải thiện tính chất lý học, sinh	rễ cộng sinh $\geq 10^2$ IP/g; Hữu cơ 5%. + Phân bón NPK hữu cơ vi sinh: 7% N; 8% P_2O_5; 4% K_2O; VSV hữu ích $\geq 10^6$ CFU/g (hoặc nấm rễ cộng sinh $\geq 10^2$ IP/g); Hữu cơ 5%. + Phân bón NPK hữu cơ vi sinh: 13% N; 13% P_2O_5; 7% K_2O; VSV hữu ích $\geq 10^6$ CFU/g (hoặc nấm rễ cộng sinh $\geq 10^2$ IP/g); Hữu cơ 5%. + Phân bón NPK hữu cơ vi sinh: 15% N; 3% P_2O_5; 15% K_2O; VSV hữu ích $\geq 10^6$ CFU/g (hoặc nấm rễ cộng sinh $\geq 10^2$ IP/g); Hữu cơ 5%.	NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt bằng dây chuyền công nghệ hơi nước. - Xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận lưu hành cho 04 loại sản phẩm phân bón. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài.	là phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt). - Báo cáo: Kết quả sản xuất thử các loại sản phẩm phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt bằng dây chuyền công nghệ hơi nước (Báo cáo trình bày logic, mô tả rõ quá trình nghiên cứu, sản xuất từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra; số lượng, chất lượng phân bón từng loại). - Sản phẩm phân bón đạt chất lượng theo mục tiêu đề tài: 14 tấn phân bón từng loại (Dự kiến 16 tấn sản phẩm phân bón từng loại đạt chất lượng theo mục tiêu đề tài; trong đó đã sử dụng khảo nghiệm khoảng 2 tấn/loại phân). - Báo cáo đánh giá kết quả khảo nghiệm và hiệu quả kinh tế của các sản phẩm phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt (trình bày logic, trên cơ sở kết quả khảo nghiệm; tăng				

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Tính cấp thiết, tính mới	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được. Thông số kỹ thuật, chỉ tiêu định lượng, định tính của sản phẩm tạo ra	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)		Đơn vị đề xuất đặt hàng
				Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			học và tính đệm cho đất, nâng cao hiệu suất sử dụng phân bón, hạn chế tác động xấu tới môi trường đất và nước. - Là sản phẩm NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt đầu tiên ở thị trường trong tỉnh với hàm lượng dinh dưỡng vô cơ cao ($\geq 18\%$) kết hợp với hữu cơ và vi sinh được phân bố đều trong từng hạt phân, giúp cây trồng hấp thụ dinh dưỡng tối ưu hơn dạng bột. Tiềm dụng cho người nông dân sử dụng thông thường hoặc bón bằng máy.			hiệu quả kinh tế $\geq 10\%$ so với đối chứng). - Bản hướng dẫn sử dụng phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt cho 4 loại cây trồng: lúa, ngô, mía, cam (Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu). - Giấy xác nhận tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận lưu hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho 04 loại sản phẩm phân bón. (Có xác nhận của đơn vị chức năng tiếp nhận hồ sơ). - 01 bài báo công bố kết quả nghiên cứu đề tài đăng trên tạp chí chuyên ngành (Có xác nhận của nơi công bố kết quả). - Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài (được Công ty CP Công nông nghiệp Tiên Nông tiếp nhận kết quả và triển khai ứng dụng; trong đó có đề xuất kiến nghị UBND tỉnh).				
	Cộng							9.467,59	1.784,68	

PHỤ LỤC II

Dự toán chi tiết đề tài: Nghiên cứu sản xuất phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt bằng dây chuyền công nghệ hơi nước tại Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng	Trong đó		
			Nguồn SNKH		Tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Công lao động (khoa học, phổ thông)	1.144,57	691,61	600,04	452,96
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng	3.303,32	931,76	0	2371,56
3	Thiết bị, máy móc	4.800,00	0	0	4800
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5	Chi khác	219,70	161,31	161,31	58,39
	Tổng cộng	9.467,59	1.784,68	761,35	7.682,91

(Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Kết luận thẩm định số 1294/KLTD-SKHCHN ngày 24/8/2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ).

Phu lục III

CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ CHO NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH MỜI ĐỢT V, NĂM 2022.

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		
				Tổng số	SNKH	SNKH cấp đợt này
1.	Đề tài: Nghiên cứu sản xuất phân bón NPK hữu cơ vi sinh dạng hạt bằng dây chuyền công nghệ hơi nước tại Thanh Hóa	Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Khoa học và Công nghệ Tiến Nông, Công ty Cổ phần Công Nông nghiệp Tiến Nông	36 tháng	9.467,59	1.784,68	710
	Tổng cộng			9.467,59	1.784,68	710